

Phụ lục I
CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ CỦA KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 19/03/2026 của Ủy ban nhân dân xã Tuấn Sơn)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG			
1	Tỷ lệ thôn, khu dân cư trên địa bàn xã được phủ sóng thông tin di động băng rộng (4G/5G)	%	≥ 70	Phòng Văn hóa – Xã hội phối hợp DN viễn thông
2	Tỷ lệ thôn, khu dân cư trên địa bàn xã có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet băng rộng cố định tốc độ cao	%	≥ 65	Phòng Văn hóa – Xã hội phối hợp DN viễn thông
3	Cán bộ cấp xã có máy tính đáp ứng cấu hình tối thiểu và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử	%	100	Phòng Văn hóa – Xã hội chủ trì phối hợp với các Phòng ban, đơn vị của UBND xã
II	PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC			
4	Tỷ lệ chi ngân sách xã cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổng chi thường xuyên của xã	%	Phù hợp khả năng ngân sách	Phòng Văn hóa – Xã hội xã, Phòng Kinh tế xã
5	Cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản gắn với vị trí việc làm	%	100	Phòng Văn hóa – Xã hội; Văn phòng HĐND và UBND xã
6	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành (Phần mềm quản lý văn bản, dịch vụ công)	%	≥ 90	Phòng Văn hóa – Xã hội
7	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	≥ 90	Phòng Văn hóa – Xã hội xã; Công an xã
III	PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ			
8	Ứng dụng một số công nghệ chiến lược, công nghệ số (AI, IoT, Big	Ứng	Ứng dụng	Phòng Văn hóa – Xã hội xã;

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	Data,...) trong quản lý môi trường, đô thị thông minh và các lĩnh vực trọng điểm để phát triển kinh tế xã hội; nâng cao chất lượng sống người dân	dụng		Phòng chuyên môn liên quan
IV	PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI ĐỔI MỚI SÁNG TẠO			
9	Số sáng kiến cải tiến, giải pháp công tác trong khu vực công cấp xã được đề nghị công nhận hàng năm	Sáng kiến	≥ 01	Phòng Văn hóa – Xã hội xã
V	PHÁT TRIỂN CHUYÊN ĐỔI SỐ			
10	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính đủ điều kiện	%	100	Trung tâm phục vụ hành chính công
11	Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến cấp xã	%	100	Trung tâm phục vụ hành chính công
12	Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC của cấp xã	%	≥ 70	Trung tâm phục vụ hành chính công
13	Tỷ lệ số hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần	%	≥ 90	Trung tâm phục vụ hành chính công
14	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp xã	%	≥ 95	Trung tâm phục vụ hành chính công
15	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa	%	≥ 95	Trung tâm phục vụ hành chính công
16	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp xã	%	100	Trung tâm phục vụ hành chính công
17	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch	%	100	Trung tâm phục vụ hành chính công
18	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Trung tâm phục vụ hành chính công

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
				chính công
19	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	75	Trung tâm phục vụ hành chính công
20	Tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	≥ 95	Trung tâm phục vụ hành chính công
21	Tỷ lệ kết nối, liên thông các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành (hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống họp trực tuyến...) của các khối	%	100	Văn Phòng HĐND và UBND xã
22	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc	%	100	Văn Phòng HĐND và UBND xã
23	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	100	Phòng Văn hóa – Xã hội xã; Phòng Kinh tế xã
24	Tỷ lệ hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử; hoàn thành số hoá tài liệu lưu trữ	%	100	Trung tâm phục vụ hành chính công
25	Tỷ lệ người dân từ đủ 14 tuổi trở lên có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	≥ 80	Công an xã